

Tình thế cấp thiết trong luật hình sự Việt Nam : Luận văn
ThS. Luật: 60 38 40 / Nguyễn Hương Giang ; Nghd. :
GS.TSKH. Đào Trí Úc

MỤC LỤC	Trang
<i>Trang phụ bìa</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
MỞ ĐẦU	
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TÌNH THẾ CẤP THIẾT TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	7
1.1 Khái niệm và cơ sở của tình thế cấp thiết trong Luật hình sự Việt Nam	
1.1.1 Bản chất, khái niệm chung và những đặc trưng chung của các yếu tố loại trừ tính chất tội phạm của hành vi	7
1.1.2 Khái niệm về tình thế cấp thiết	
1.1.3 Ý nghĩa của yếu tố tình thế cấp thiết	7
1.1.4 Cơ sở pháp lý và xã hội của việc quy định tình thế cấp thiết trong pháp luật hình sự Việt Nam	13
1.2 Lịch sử hình thành và phát triển của quy phạm pháp luật về tình thế cấp thiết trong Luật hình sự Việt Nam	16
1.2.1 Yếu tố tình thế cấp thiết trong pháp luật hình sự Việt Nam thời kỳ phong kiến	
1.2.2 Yếu tố tình thế cấp thiết trong pháp luật hình sự trước năm 1985	17
1.2.3 Yếu tố tình thế cấp thiết trong pháp luật hình sự Việt Nam từ năm 1985 đến nay	23
1.3 Tình thế cấp thiết theo luật hình sự một số nước trên thế giới	23
1.3.1 Tình thế cấp thiết theo bộ Luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa	26
1.3.2 Tình thế cấp thiết theo bộ Luật hình sự Liên Bang Nga	29
1.3.3 Tình thế cấp thiết theo bộ Luật hình sự Nhật Bản	
Chương 2: NHỮNG ĐẶC TRƯNG PHÁP LÝ VÀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ	

ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN CỦA TÌNH THỂ CẤP THIẾT THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH	31
2.1 Những đặc trưng pháp lý của tình thể cấp thiết	31
2.1.1 Phải có sự đe dọa đối với lợi ích được pháp luật bảo vệ	32
2.1.2 Sự đe dọa cần tránh trong tình thể cấp thiết là hiện hữu và thực tế	34
2.1.3 Việc gây thiệt hại là biện pháp duy nhất để khắc phục sự nguy hiểm	36
2.1.4 Thiệt hại trong tình thể cấp thiết gây ra phải nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa.	36
2.2 Trách nhiệm hình sự của trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thể cấp thiết	39
2.2.1 Khái niệm, ý nghĩa của việc xác định giới hạn của tình thể cấp thiết	41
2.2.2 Các điều kiện xác định trách nhiệm hình sự do vượt quá giới hạn của tình thể cấp thiết	42
2.3 Phân biệt tình thể cấp thiết với một số yếu tố loại trừ trách nhiệm hình sự khác	46
2.3.1 Phân biệt tình thể cấp thiết với phòng vệ chính đáng	47
2.3.2 Phân biệt tình thể cấp thiết với Sự kiện bất ngờ	53
Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VỀ TÌNH THỂ CẤP THIẾT	59
3.1 Vấn đề tình thể cấp thiết trong thực tế	
3.2 Sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định về tình thể cấp thiết trong luật hình sự Việt Nam	59
3.3 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định về tình thể cấp thiết trong luật hình sự Việt Nam.	66
3.3.1 Cần xác định chính xác và đầy đủ hơn vị trí của tình thể cấp thiết trong bộ luật hình sự	69
3.3.2 Xác lập cơ sở pháp lý để so sánh thiệt hại gây ra do tình thể cấp thiết và thiệt hại cần ngăn ngừa	70
3.3.3 Nâng cao năng lực người làm công tác tố tụng song song với việc nâng cao trình độ dân trí và trách nhiệm công dân	72
	74
	77

MỞ ĐẦU

1. Lý do nghiên cứu đề tài

Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự. Trong thực tế có những hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng được thực hiện trong những hoàn cảnh đặc biệt mà pháp luật cho phép, khoa học luật hình sự gọi là những trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi. Chế định này đóng vai trò quan trọng trong lý luận và thực tiễn pháp luật hình sự, tạo điều kiện tăng cường pháp chế và thể hiện tính nhân đạo trong chính sách hình sự nước ta. Góp phần tạo ranh giới giữa hành vi bị coi là tội phạm và không phải là tội phạm. Chúng cũng góp phần bảo vệ lợi ích chính đáng của công dân và phản ánh sâu sắc chính sách hình sự của nước ta - một chính sách hình sự hiện đại, tiến bộ, dân chủ và nhân đạo.

Luật hình sự Việt Nam hiện hành quy định sáu trường hợp sau là những trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi như sau: Tính chất nguy hiểm không đáng kể của hành vi (khoản 4 Điều 8), sự kiện bất ngờ (Điều 11), chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự (Điều 12), tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự (Điều 13), phòng vệ chính đáng (Điều 15), tình thế cấp thiết (Điều 16). Đề tài này được chọn lựa với mục đích nghiên cứu một cách đầy đủ và sâu sắc yếu tố này và góp phần hoàn thiện về mặt lý luận cũng như việc áp dụng yếu tố này trong thực tiễn được hiệu quả hơn.

Vì những lý do trên đây, tôi đã chọn đề tài: ***“Tình thế cấp thiết trong luật hình sự Việt Nam”*** làm luận văn thạc sỹ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Cho đến nay, trong khoa học luật hình sự Việt Nam hầu như chưa có một công trình nghiên cứu khoa học nào nghiên cứu một cách đầy đủ, sâu sắc toàn diện và riêng biệt về chế định tình thế cấp thiết. Tuy trong nhiều giáo trình, bài viết có đề cập đến chế định này trong phạm vi nhất định hoặc nghiên cứu chung với các chế định khác. Nghiên cứu nội dung các tác phẩm và các công trình trên cho thấy, các tác phẩm hoặc các công trình này chưa đề cập sâu, mới chỉ dừng lại ở phạm vi khái quát và nghiên cứu ở một mức độ nhất định, chưa đặt ra nhiệm vụ nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện, sâu sắc về yếu tố tình thế cấp thiết. Vì vậy, đề tài ***“Tình thế cấp thiết trong luật hình sự Việt Nam”*** không trùng lặp với bất kỳ đề tài khoa học, Luận văn, Luận án nào.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ của luận văn

3.1 Mục tiêu

Mục đích nghiên cứu của luận văn là làm rõ những vấn đề lý luận, thực tiễn và cơ sở pháp lý của tình thế cấp thiết trong luật hình sự Việt Nam. Luận văn chỉ ra những bất cập của pháp luật hiện hành về yếu tố này, chỉ ra những khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng các quy định tình thế cấp thiết. Luận văn đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao áp dụng quy định về tình thế cấp thiết trong thời gian tới.

3.2 Nhiệm vụ

Từ mục tiêu được xác định như trên, luận văn tập trung giải quyết những nhiệm vụ sau đây : Xây dựng một cách có hệ thống khái niệm, đặc điểm và các điều kiện về tình thế cấp thiết. So sánh quy định về tình thế cấp thiết ở một số quốc gia trên thế giới. Phân tích các điều kiện áp dụng quy định tình thế cấp thiết trong pháp luật hiện hành. Phân biệt yếu tố tình thế cấp thiết với một số yếu tố khác như phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

4.1 Đối tượng nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu về tình thế cấp thiết trong luật hình sự Việt Nam 1999 và các vấn đề liên quan tới yếu tố này, như : khái niệm tình thế cấp thiết, bản chất pháp lý tình thế cấp thiết, các điều kiện vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết, các điều kiện xác định tình thế cấp thiết, so sánh với yếu tố phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ, so sánh với các quy định về tình thế cấp thiết ở một số quốc gia trên thế giới.

4.2 Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi về nội dung : phạm vi nghiên cứu của đề tài về yếu tố tình thế cấp thiết trong luật hình sự Việt Nam là những nội dung cơ bản như : khái niệm, bản chất pháp lý, từ đó xác định nội hàm cơ bản và hướng hoàn thiện các quy định của pháp luật về tình thế cấp thiết.

5. Cơ sở lý luận và các phương pháp tiếp cận nghiên cứu

5.1 Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của luận văn là quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về nhà nước pháp quyền, quyền con người, quyền công dân ; Ngoài ra luận văn còn sử dụng, tiếp thu, kế thừa các thành tựu khoa học chuyên ngành pháp lý, các nhà chuyên môn, nhà khoa học chuyên ngành pháp lý, các luận điểm nghiên cứu, các công trình nghiên cứu và các bài viết chuyên ngành pháp lý trên các tạp chí.

5.2 Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp cụ thể được sử dụng để nghiên cứu đề tài bao gồm: phân tích, tổng hợp; thống kê, so sánh; tổng kết kinh nghiệm; chuyên gia ; tọa đàm ; chọn mẫu điển hình; điều tra xã hội học , Phương pháp tiếp cận hệ thống ; Phương pháp tiếp cận chọn mẫu điển hình ; Phương pháp tiếp cận lịch sử và logic ; Phương pháp tiếp cận định tính và định lượng ; Phương pháp tiếp cận cá biệt và so sánh ; Phương pháp tiếp cận thực tiễn.

6. Đóng góp mới của luận văn

Luận văn là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách tương đối có hệ thống và toàn diện về tình thế cấp thiết trong luật hình sự Việt Nam. Giá trị lý luận và thực tiễn của Luận văn được thể hiện thông qua những đóng góp mới của Luận văn, bao gồm:

Luận văn xây dựng khái niệm, chỉ rõ các đặc điểm của quy định về tình thế cấp thiết trong Luật hình sự Việt Nam. Luận văn phân tích, luận giải cơ sở pháp lý của chế định tình thế cấp thiết trong luật hình sự Việt Nam. Luận văn phân tích, so sánh những điểm giống và khác nhau giữa tình thế cấp thiết và một số yếu tố khác như phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ. Luận văn phân tích đánh giá thực trạng về áp dụng các quy định về tình thế cấp thiết trong thực tế hiện nay. Luận văn đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định về tình thế cấp thiết và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của tình thế cấp thiết trong thời gian tới. Luận văn còn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong các cơ sở đào tạo về luật học.

7. ý nghĩa thực tiễn của Luận văn

Kết quả nghiên cứu của Luận văn sẽ góp phần bổ sung lý luận về tình thế cấp thiết trong pháp luật hình sự. Những đề xuất, kiến nghị có tính định hướng của đề tài có thể được vận dụng trong thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về tình thế cấp thiết trong thực tiễn trong thời gian tới. Luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các giáo viên, sinh viên và những nhà nghiên cứu về luật.

8. Nội dung của Luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung Luận văn được cấu trúc thành 03 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về tình thế cấp thiết trong luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Những đặc trưng pháp lý của tình thế cấp thiết và trách nhiệm hình sự đối với trường hợp vượt quá giới hạn tình thế cấp thiết theo luật hình sự Việt Nam hiện hành.

Chương 3: Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tình thế cấp thiết.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TÌNH THỂ CẤP THIẾT TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1 Khái niệm và các cơ sở của việc quy định tình thể cấp thiết trong luật hình sự Việt Nam

1.1.1 Bản chất, khái niệm chung và những đặc trưng chung của các yếu tố loại trừ tính chất tội phạm của hành vi.

Trên cơ sở phân tích bản chất, khái niệm chung và những đặc trưng chung của các yếu tố loại trừ tính chất tội phạm của hành vi, Luận văn đưa ra định nghĩa chung về các yếu tố này.

Luận văn đưa ra một số quan điểm của các nhà nghiên cứu về những trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi. Những hành vi được pháp luật coi là những yếu tố loại trừ tính chất tội phạm, về bản chất, phản ánh sự xung đột, sự va chạm của hai phía: một phía là người bị rơi vào hoàn cảnh buộc phải có hành động nào đó và có quyền thực hiện những hành động đó như phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết, sự kiện bất ngờ, và một bên là lợi ích của người bị hại của hành vi đó, lợi ích của Nhà nước hoặc của xã hội. Vì vậy, thực chất của việc điều chỉnh bằng luật hình sự các hoàn cảnh này là giải quyết sự xung đột và va chạm giữa hai loại lợi ích đó thông qua việc xác định các quyền và nghĩa vụ tương ứng của cả hai phía.

Quan điểm pháp lý của nhà làm luật coi hành vi này không phải là tội phạm, cho nên, những yếu tố dẫn đến hành vi ấy được coi là những yếu tố loại trừ tính chất tội phạm của hành vi. Hành vi xảy ra trong những trường hợp đó là những hành vi hợp pháp, mặc dù cũng cần khẳng định một vẻ thứ hai của những trường hợp này là: hành vi xảy ra trong những trường hợp đó đều là những hành vi gây thiệt hại đáng kể cho khách thể mà pháp luật hiện hành bảo vệ và nếu giả sử không xảy ra trong những tình huống đó thì đương nhiên là hành vi hàm chứa các yếu tố cấu thành tội phạm, là tội phạm.

Hành vi xảy ra khi có các yếu tố loại trừ tính chất tội phạm, vậy trong hành vi đó thiếu dấu hiệu nào của tội phạm? Để trả lời cho câu hỏi đó, cần trở lại với khái niệm “tội phạm”. Các dấu hiệu đặc trưng pháp lý của tội phạm bao gồm: tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi, tính vi phạm (trái) pháp luật, lỗi. Đa số ý kiến của các nhà nghiên cứu nghiêng về tính nguy hiểm cho xã hội và thiếu nó mà hành vi không

bị coi là tội phạm. Tuy nhiên, điều đó chỉ đúng với trường hợp phòng vệ chính đáng. Ở đó, hành vi “đáp trả”, “tự vệ” không có tính chất nguy hiểm cho xã hội. Trong trường hợp tình thế cấp thiết thì lại khác: có việc gây ra thiệt hại khách quan cho người thứ ba và chủ thể ý thức được điều đó, nhưng hành vi của chủ thể không phải là tội phạm vì nó không trái với quy định của pháp luật. Như vậy, tính trái pháp luật (vi phạm pháp luật) không có trong trường hợp tình thế cấp thiết.

Sau đó Luận văn đưa ra hai loại quan hệ pháp luật nào phát sinh và tồn tại trong các trường hợp liên quan đến các yếu tố loại trừ tính chất tội phạm của hành vi.

Loại quan hệ thứ nhất: là quan hệ pháp lý, khi nhà làm luật xác định các điều kiện để hành vi xảy ra được coi là không phải tội phạm, là quan hệ thể hiện chức năng bảo vệ vì đây là quan hệ giữa một bên là Nhà nước và một bên là người đã có hành vi tạo nên mối nguy hiểm, hoàn cảnh nguy hiểm. Đó là quan hệ liên quan đến phần thứ nhất của những điều luật tương ứng khi xác định lý do dẫn đến hành vi phòng vệ chính đáng hoặc tình thế cấp thiết.

Loại quan hệ thứ hai: khi chủ thể vượt quá giới hạn của hành vi hợp pháp như phòng vệ chính đáng, hoặc tình thế cấp thiết. Khi đó thì về bản chất, hành vi phải được coi là tội phạm, và do đó tính chất quan hệ là quan hệ có chức năng điều chỉnh: ***điều chỉnh trách nhiệm hình sự.***

Trên cơ sở phân tích khái niệm chung và bản chất chung của những tình tiết loại trừ tính chất tội phạm của hành vi, Luận văn đã phân tích bốn đặc trưng chung của các trường hợp này. *Một là*, Đó là những hành vi gây nguy hại đáng kể cho các lợi ích mà pháp luật hiện hành bảo vệ: lợi ích của người khác, của Nhà nước, của xã hội. Chính vì có yếu tố “thiệt hại đáng kể” mà Nhà nước mới đặt ra khả năng và trách nhiệm đối với chủ thể hành vi. Hơn thế nữa, thiệt hại phải đạt đến mức mà lẽ ra hành vi phải bị coi là tội phạm. *Hai là*, Những hành vi đó hầu như luôn luôn được tiến hành bởi những động cơ, mong muốn có lợi: chống lại sự tấn công mình của người khác, ngăn chặn thiệt hại lớn hơn. *Ba là*, Hậu quả pháp lý của các hành vi đó được nhà làm luật xác định là hành vi hợp pháp, loại trừ không chỉ trách nhiệm hình sự mà về nguyên tắc, nó loại trừ mọi loại trách nhiệm pháp lý khác: trách nhiệm hành chính, trách nhiệm kỷ luật, trách nhiệm dân sự. Tuy nhiên, pháp luật dân sự của Việt Nam và của một số nước trên thế giới quy định trách nhiệm dân sự đối với trường hợp gây thiệt hại vật chất và tinh thần cho người thứ ba trong tình thế cấp thiết. *Bốn là*, Khi không bảo đảm các yêu cầu về tính hợp pháp thì hành vi bị coi là tội phạm và chủ thể phải chịu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, pháp luật hình sự coi đó là một trong những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Từ những phân tích trên ta có thể đưa ra định nghĩa chung về các yếu tố loại trừ tính chất tội phạm của hành vi như sau: *Các yếu tố loại trừ tính chất tội phạm của hành vi là những yếu tố gây thiệt hại khách quan nhưng không bị coi là tội phạm vì những hành vi đó thỏa mãn một số điều kiện khác do Luật hình sự quy định cho nên được coi là có lợi cho xã hội, người thực hiện hành vi không phải chịu trách nhiệm hình sự.*

1.1.2 Khái niệm tình thế cấp thiết

Tình thế cấp thiết là một trong những trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi. Nó mang bản chất pháp lý và những đặc trưng chung của những trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi. Khoản 1 điều 16 Bộ luật hình sự năm 1999 có quy định về tình thế cấp thiết như sau: *“Tình thế cấp thiết là tình thế của người vì muốn tránh một nguy cơ đang thực tế đe dọa lợi ích của Nhà nước, của tập thể, lợi ích chính đáng của chính mình hoặc của người khác mà không còn cách nào khác là phải có hành động gây thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa.”*

Luận văn đã đưa ra một số quan điểm của các nhà nghiên cứu về các yếu tố này.

Đặc điểm quan trọng, đáng chú ý nhất của yếu tố này là ở chỗ, trong các hoàn cảnh của tình thế cấp thiết, không hề có ai tấn công ai, không hề có hành vi vi phạm pháp luật nào từ phía người bị hại của hành vi ở tình thế cấp thiết. Ở đây hầu như chỉ có hoàn cảnh có thể nói là ngẫu nhiên đối với chủ thể dẫn đến việc, khi rơi vào hoàn cảnh đó, phải tìm cho mình, phải quyết định một lối thoát từ hoàn cảnh xảy ra bằng cách gây ra một thiệt hại cho người khác. Còn người bị gây thiệt hại thì không hề có lỗi gì trong việc xảy ra hoàn cảnh đó.

Vì thế, nhà làm luật đã đưa ra những quy định rất chặt chẽ để điều chỉnh các quan hệ phát sinh. Ở đây có hai loại quy định. Loại thứ nhất: quy định về các điều kiện về tình thế cấp thiết. Loại thứ hai: quy định về các điều kiện liên quan đến hành vi trực thuộc hiện trong tình thế đó. Loại thứ nhất mô tả nguồn xảy ra mỗi nguy hiểm; loại thứ hai mô tả, đòi hỏi về tính xác thực, tức thời của mỗi nguy hiểm.

Có thể đưa ra kết luận: *Tình thế cấp thiết là hành vi gây thiệt hại của một hay nhiều người để ngăn chặn sự nguy hiểm đang đe dọa ngay tức khắc đến các lợi ích hợp pháp của nhà nước, của xã hội và của công dân nếu sự nguy hiểm đó không thể ngăn chặn được bằng cách nào khác ngoài việc gây ra nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa.*

1.1.3 Ý nghĩa của yếu tố tình thế cấp thiết

Việc nghiên cứu tình thế cấp thiết có ý nghĩa khoa học - thực tiễn quan trọng dưới các góc độ sau:

Một là, nó đảm bảo mọi công dân điều kiện để tự bảo vệ những quyền và lợi ích chính đáng của mình và của xã hội, đồng thời phát huy quyền làm chủ tập thể của mình trong quản lý xã hội, quản lý nhà nước. Điều 72 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 và pháp luật cho phép, khuyến khích các công dân dũng cảm thực hiện các hành động nhằm bảo vệ các lợi ích hợp pháp, ngăn ngừa các nguy hiểm đối với các lợi ích chính đáng được pháp luật bảo vệ.

Hai là, nó là căn cứ pháp lý quan trọng để quần chúng nhân dân tiến hành hoạt động đấu tranh chống tội phạm, bảo vệ tài sản, lợi ích hợp pháp nhà nước, của xã hội

và của công dân. Tình thế cấp thiết trong pháp luật hình sự là một quy định mang tính chất tích cực, thực hiện chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta đối với việc bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của Nhà nước, tổ chức và công dân, là một bước cụ thể hóa các quyền và nghĩa vụ công dân theo tinh thần Chương V của Hiến pháp 1992 (Điều 72)

Ba là, Quy định về tình thế cấp thiết phản ánh nguyên tắc nhân đạo của chính sách hình sự nói chung và pháp luật hình sự nói riêng. Pháp luật hình sự Việt Nam phản ánh ý thức pháp luật các quan niệm đạo đức của dân tộc ta, có mục đích, nội dung nhân đạo sâu sắc.

Bốn là, góp phần giúp các cơ quan tố tụng như Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án xác định được ranh giới và có căn cứ phân biệt được đâu là tội phạm và đâu là hành vi không phải là tội phạm, nhằm tránh được oan sai và bỏ lọt tội phạm.

Năm là, về mặt lý luận, tình thế cấp thiết đã đưa ra một trong những trường hợp gây thiệt hại nhưng không phải là tội phạm mặc dù về mặt hình thức thì giống hành vi phạm tội, hay có thể gọi đây là một trong các trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi. Chỉ ra đâu là ranh giới giữa tội phạm và không phải là tội phạm. Nó góp phần làm phong phú cho khoa học hình sự Việt Nam nói riêng và khoa học hình sự thế giới nói chung.

1.1.4 Cơ sở pháp lý và xã hội của việc quy định tình thế cấp thiết trong luật hình sự Việt Nam

a) Cơ sở pháp lý của việc quy định tình thế cấp thiết trong luật hình sự Việt Nam

Luận văn phân tích, luận giải cơ sở pháp lý của việc quy định tình thế cấp thiết trong luật hình sự Việt Nam. Một hành vi khi có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm thì hành vi đó bị coi là tội phạm và có thể bị áp dụng hình phạt. Tuy nhiên, luật hình sự lại quy định một số hành vi trên thực tế có đầy đủ các dấu hiệu hình thức của tội phạm, nhưng không phải là tội phạm, trong đó có tình thế cấp thiết. Ta sẽ phân tích cơ sở lý luận của trường hợp này.

Vậy, hành động trong tình thế cấp thiết được loại trừ do thiếu một trong các dấu hiệu của tội phạm – thiếu “tính trái pháp luật của hành vi” (tức là không bị pháp luật hình sự coi là tội phạm), mặc dù về hình thức việc gây thiệt hại về mặt pháp lý hình sự có dấu hiệu của hành vi nào đó được quy định trong Phần các tội phạm Bộ Luật hình sự, nhưng nó đều không trái với pháp luật (không bị coi là tội phạm). Hay nói cách khác, hành động trong tình thế cấp thiết được loại trừ do yếu tố lỗi.

b) Tình thế cấp thiết và vấn đề trách nhiệm công dân

Điều 11 Hiến pháp năm 1992 quy định như sau: “*Công dân thực hiện quyền làm chủ của mình ở cơ sở bằng cách tham gia công việc của Nhà nước và xã hội, có trách nhiệm bảo vệ của công, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của*

công dân, giữ gìn an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội, tổ chức đời sống công cộng.”

Điều 11 Hiến pháp năm 1992 đã chỉ rõ công dân ngoài việc làm chủ còn phải có trách nhiệm bảo vệ của công, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Vì vậy, mọi công dân không thể thờ ơ, bàng quan khi lợi ích của Nhà nước, của xã hội và của chính những người dân bị đe dọa xâm hại.

Trách nhiệm công dân được đặt ra trong tình huống khi một nguy cơ đang đe dọa lợi ích nhà nước, của xã hội, của cá nhân. Khi một người đứng trước nguy cơ đang đe dọa xảy ra, người đó phải hành động để ngăn ngừa, giảm thiểu và làm cho thiệt hại đó là nhỏ nhất. Trong trường hợp không còn phương thức nào khác ngoài việc gây ra một thiệt hại nhỏ hơn để ngăn ngừa thiệt hại bị đe dọa thì người đó đã gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết.

Trường hợp chủ thể của hành vi trong tình thế cấp thiết là người thi hành công vụ. Trong trường hợp này, việc có hành động ngay để loại bỏ nguy hiểm là trách nhiệm công vụ của họ.

1.2 Lịch sử hình thành và phát triển của quy phạm pháp luật về tình thế cấp thiết trong Luật hình sự Việt Nam

1.2.1 Yếu tố tình thế cấp thiết trong pháp luật hình sự Việt Nam thời kỳ phong kiến

Theo Hoàng Việt Luật Lệ (còn gọi là Bộ luật Gia Long)

Hoàng Việt luật lệ (còn gọi là Bộ luật Gia Long) được xem là sản phẩm có giá trị lớn về mặt lập pháp của vương triều nhà Nguyễn (1802 – 1883). Năm 1811 Hoàng Việt Luật lệ được hoàn tất và một năm sau 1812 Bộ luật được khắc in lần đầu tiên. Hoàng Việt hình luật gồm 29 Chương với 424 điều. Hoàng Việt luật lệ không có những quy định mang tính khái quát và gọi tên những tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi như luật hình sự hiện nay mà chỉ có một số quy định cụ thể, đơn lẻ. Từ những quy định đó có thể phân thành những loại tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi sau đây:

Theo điều 265 Bộ Hoàng Việt Luật lệ có thể coi trường hợp sau đây là tình thế cấp thiết: *“ Phàm vô cớ không được cho ngựa, xe chạy nhanh nơi phố chợ làm người ta bị thương thì giảm một bậc tội theo thường nhân đánh lộn có thương tích. Nếu nhân đó làm chết người phạt 100 trượng, lưu 3000 dặm.*

Nếu vì công vụ khẩn cấp cho ngựa phóng nhanh làm bị thương người thì bị xử tội sai lầm, y luật chuộc đền cho nạn nhân”.

Quy định này có thể được coi là gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết, tuy nội dung quy định này vẫn chưa đề cập rõ ràng các điều kiện được áp dụng khi vì công vụ khẩn cấp cho ngựa phóng nhanh làm bị thương người khác là như thế nào. Tuy nhiên quy định này chỉ áp dụng đối với những đối tượng đang thi hành công vụ, tức

là lính triều đình. Còn gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết không quy định áp dụng đối với chủ thể là dân thường. Điều này cũng thể hiện tính giai cấp trong luật hình sự thời phong kiến, là công cụ để bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị là vua, quan lại.

Theo Quốc triều Hình luật (Bộ luật Hồng Đức): Quốc triều Hình luật (còn gọi là Bộ luật Hồng Đức) chứa đựng nhiều nội dung tiên bộ, đây có thể được coi là thành tựu trong lĩnh vực lập pháp của pháp luật Việt Nam thời Lê Sơ (1428 – 1788).

Miễn, giảm trách nhiệm hình sự (điều 18, 19, 450, 499, 553): trong đó quy định về miễn, giảm trách nhiệm hình sự trong các trường hợp như tự vệ chính đáng, tình trạng khẩn cấp, tình trạng bất khả kháng, thi hành mệnh lệnh, tự thú (trừ thập ác, giết người). Tình trạng khẩn cấp trong Quốc triều hình luật có thể được coi là tình thế cấp thiết. Tuy nhiên, tình trạng khẩn cấp trong bộ Quốc triều hình luật cũng như Hoàng Việt luật lệ chủ yếu nhằm bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị, tức là giai cấp quan lại phong kiến khi thi hành nhiệm vụ.

1.2.2 Yếu tố tình thế cấp thiết trong pháp luật hình sự Việt Nam trước năm 1985

***Giai đoạn từ 1945 – 1960:** Cách mạng tháng Tám thành công, chính quyền nhân dân non trẻ mới được thành lập phải đối mặt với những khó khăn chồng chất. Trước tình hình đó, nhân dân ta phải đối mặt với ba nhiệm vụ lớn là tiêu diệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Trong giai đoạn này, mục đích cao nhất và quan trọng nhất của luật hình sự Việt Nam là nhằm bảo vệ Nhà nước non trẻ mới được thành lập, chống “ thù trong giặc ngoài ” . Chế định về tình thế cấp thiết nói chung và chế định về loại trừ tính chất tội phạm của hành vi còn chưa được đề cập đến.

*** Giai đoạn 1960 – 1984:**

thời kỳ từ năm 1945 đến trước khi pháp điển hoá năm 1985 thì chế định loại trừ tính chất tội phạm của hành vi trong đó có tình thế cấp thiết chưa được nhà làm luật điều chỉnh bằng quy phạm pháp luật của pháp luật hình sự nhưng cũng đã được đề cập đến trong các văn bản pháp luật và ở phạm vi nhất định cũng như trong nghiên cứu khoa học. Đây cũng chính là tiền đề, cơ sở để pháp điển hoá pháp luật hình sự lần thứ nhất năm 1985.

1.2.3 Yếu tố tình thế cấp thiết trong pháp luật hình sự Việt Nam từ năm 1985 đến nay

Việc ghi nhận các tình tiết loại trừ tính chất tội phạm của hành vi trong hai lần pháp điển hoá này thể hiện nguyên tắc nhân đạo của chính sách hình sự nói chung và pháp luật hình sự nói riêng. Một loạt các quy định Chế định tình thế cấp thiết trong hai lần pháp điển hoá: bộ luật hình sự năm 1985 và bộ luật hình sự năm 1999 không thay đổi nhiều, chỉ khác nhau về câu chữ khi giải thích trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết.

1.3 Tình thế cấp thiết theo luật hình sự một số nước trên thế giới

Trong phạm vi của bài viết, tác giả chỉ lựa chọn một số Bộ luật hình sự của một số nước tiêu biểu, điển hình và có ảnh hưởng ít nhiều đến pháp luật hình sự Việt Nam. Nhìn chung pháp luật hình sự các nước đều quy định gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết được loại trừ trách nhiệm hình sự.

1.3.1 Tình thế cấp thiết theo Bộ luật hình sự Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa

Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa cũng quy định một số trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự như: phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết, người mắc bệnh tâm thần, tình trạng bất khả kháng, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự (quy định tại các điều 16, 17, 18, 20, 21). Các trường hợp này nằm trong chương II, mục 1 “tội phạm và trách nhiệm hình sự”. Không có một chương riêng biệt quy định về các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự.

Điều 21 Bộ luật hình sự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 1997 quy định : *“người gây thiệt hại do thực hiện hành vi trong tình thế cấp thiết vì muốn tránh nguy cơ đang đe dọa các lợi ích của Nhà nước, xã hội, các quyền nhân thân, quyền tài sản hoặc các quyền khác của mình hoặc của người khác, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự.* Điều luật nêu khái niệm về tình thế cấp thiết: gây ra thiệt hại nhằm tránh nguy cơ đang đe dọa lợi ích của Nhà nước, xã hội, các quyền nhân thân, quyền tài sản hoặc các quyền khác của mình hoặc của người khác. Hành vi gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết không phải chịu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, điều luật loại trừ việc áp dụng đối với người phải chịu trách nhiệm đặc biệt về chức vụ hoặc nghề nghiệp của mình.

1.3.2 Tình thế cấp thiết theo Bộ luật hình sự Liên bang Nga

Bộ luật hình sự của Liên Bang Nga năm 1996 quy định một chương riêng về những tình tiết loại trừ tính phạm tội của hành vi (chương 8). Điều này khác quy định ở một số nước thường đưa những tình tiết loại trừ tính phạm tội của hành vi (hay loại trừ trách nhiệm hình sự v.v...) vào chương tội phạm và trách nhiệm hình sự. Bộ luật hình sự Nga 1996 quy định 6 trường hợp loại trừ tính phạm tội của hành vi từ Điều 38 đến Điều 43, bao gồm: phòng vệ cần thiết (Điều 37), gây thiệt hại khi bắt giữ người phạm tội (Điều 38), tình thế cấp thiết (Điều 39), do bị cưỡng bức về thân thể hoặc tinh thần (Điều 40), sự rủi ro chính đáng (Điều 41), thi hành mệnh lệnh hoặc sự chỉ đạo (Điều 43).

Điều 39 của Bộ luật hình sự Nga 1996 quy định về tình thế cấp thiết như sau:

“ 1. Không phải là tội phạm việc gây thiệt hại cho các lợi ích được luật hình sự bảo vệ trong tình thế cấp thiết, tức là để tránh một nguy cơ đang thực tế đe dọa và các quyền của mình hay của người khác, lợi ích của xã hội hay của Nhà nước mà không còn cách nào khác và trong khi gây thiệt hại đó không được vượt quá giới hạn của tình thế cấp thiết.

2. *Vượt quá giới hạn của tình thế cấp thiết là gây thiệt hại rõ ràng không phù hợp với tính chất và mối nguy hiểm đang đe dọa và hoàn cảnh khắc phục mối hiểm họa khi mà thiệt hại muốn tránh. Người có hành vi vượt quá nói trên chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự nếu cố ý gây thiệt hại”.*

Tình thế cấp thiết trong Bộ luật hình sự Nga quy định việc gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết không phải là tội phạm. Nhưng việc gây thiệt hại đó phải nhằm tránh một nguy cơ đang thực tế đe dọa các quyền của mình hay của người khác, lợi ích của xã hội hay của Nhà nước mà đây là biện pháp cuối cùng, tức là không còn lựa chọn nào khác ngoài việc gây thiệt hại.

1.3.3 Tình thế cấp thiết theo Bộ luật hình sự Nhật Bản

Bộ luật hình sự Nhật Bản được ban hành năm 1907 và được sửa đổi bổ sung 11 lần. Bộ luật hình sự Nhật Bản bao gồm 2 phần 53 chương và 264 Điều, phần I bao gồm những quy định chung, phần II bao gồm phần các Tội phạm. Bộ luật hình sự Nhật Bản có một chương riêng về những hành vi không cấu thành tội phạm. Chương VII thuộc phần I “những quy định chung” quy định về những hành vi không cấu thành tội phạm và việc giảm hoặc miễn hình phạt (Điều 35 đến Điều 42).

Điều 37: Ngăn ngừa mối nguy hiểm sắp xảy ra (tình thế cấp thiết) :

“1. Một hành vi được thực hiện một cách cần thiết (không thể tránh khỏi việc thực hiện) để ngăn ngừa mối nguy hiểm đối với tính mạng, thân thể, tự do hoặc tài sản của mình hoặc của người khác thì không bị xử phạt khi thiệt hại do hành vi đó gây ra không vượt quá thiệt hại cần ngăn ngừa.

2. Các quy định tại khoản 1 trên đây không áp dụng đối với người có nhiệm vụ đặc biệt theo nghề nghiệp hoặc chuyên môn”.

Cũng tương tự như bộ luật hình sự các nước, Bộ luật hình sự Nhật Bản quy định về gây nguy hiểm trong tình thế cấp thiết không cấu thành tội phạm khi thiệt hại do hành vi đó gây ra không vượt quá thiệt hại cần ngăn ngừa. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 37 Bộ luật hình sự Nhật Bản quy định: quy định về tình thế cấp thiết không áp dụng đối với người có nhiệm vụ đặc biệt theo nghề nghiệp hoặc chuyên môn.

Nhận xét, đánh giá chương 1

Chương 1 của luận văn đã phân tích khái niệm, bản chất, đặc trưng, vị trí, ý nghĩa của các yếu tố loại trừ tính chất tội phạm của hành vi nói chung và yếu tố tình thế cấp thiết nói riêng. Từ đó tổng hợp, phân tích để đưa ra khái niệm chung về các yếu tố loại trừ tính chất tội phạm của hành vi như sau: *Các yếu tố loại trừ tính chất tội phạm của hành vi là những yếu tố gây thiệt hại khách quan nhưng không bị coi là tội phạm vì những hành vi đó thỏa mãn một số điều kiện khác do Luật hình sự quy định cho nên được coi là có lợi cho xã hội, người thực hiện hành vi không phải chịu trách nhiệm hình sự.*

Qua đó khẳng định tính nhân đạo của pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật hình sự nói riêng. Sau đó luận văn đã khái quát lịch sử phát triển của chế định này trong luật hình sự Việt Nam, từ thời phong kiến qua một số bộ luật tiêu biểu đến 2 lần pháp điển hoá luật hình sự là Bộ luật hình sự năm 1985 và Bộ luật hình sự năm 1999. Những vấn đề trình bày ở Chương 1 luận văn là cơ sở lý luận và phương pháp luận để định hướng để đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về tình thế cấp thiết được đề cập ở chương 3 luận văn.

Chương 2

NHỮNG ĐẶC TRƯNG PHÁP LÝ VÀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP VƯỢT QUÁ GIỚI HẠN CỦA TÌNH THỂ CẤP THIẾT THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH

2.1 Những đặc trưng pháp lý của tình thể cấp thiết

Để được coi là gây thiệt hại trong tình thể cấp thiết và không phải chịu trách nhiệm hình sự thì phải có đầy đủ các điều kiện sau đây:

2.1.1 Phải có sự đe dọa đối với lợi ích được pháp luật bảo vệ

Đây là cơ sở đầu tiên để phát sinh tình thể cấp thiết, cơ sở phát sinh quyền hành động trong tình thể cấp thiết là có sự nguy hiểm đe dọa các lợi ích hợp pháp. Lợi ích được pháp luật bảo vệ là phải là lợi ích chính đáng, nó có thể là lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, lợi ích chính đáng của cá nhân người thực hiện hành vi hoặc của người khác. Nguồn gốc gây nên sự nguy hiểm đối với lợi ích hợp pháp được pháp luật bảo vệ do: hành vi nguy hiểm của con người, tác động của thiên nhiên (lũ, lụt, cháy, sét đánh v.v...), thiết bị máy móc bị hư hỏng, súc vật tấn công v.v...

Nguồn nguy hiểm trong tình thể cấp thiết rất đa dạng, có thể do con người, do tự nhiên, do súc vật, trường hợp nguồn nguy hiểm do con người gây ra cũng chia thành hai loại: do con người cố ý hoặc vô ý gây ra.

Ngoài ra, sự nguy hiểm đang đe dọa gây ra thiệt hại phải là sự nguy hiểm đe dọa ngay tức khắc thì mới được coi là trong trường hợp tình thể cấp thiết. Nếu sự đe dọa đó còn chưa xảy ra mà đã hành động để gây thiệt hại thì không thể coi là gây thiệt hại trong tình thể cấp thiết. Nếu sự đe dọa này chỉ theo suy đoán chủ quan của người gây thiệt hại, thực tế có thể xảy ra hoặc không mà người đó đã có luôn hành vi gây thiệt hại thì cũng không thể coi là gây thiệt hại trong tình thể cấp thiết. Đối với lợi ích không hợp pháp, không được pháp luật bảo vệ thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự.

2.1.2 Sự đe dọa cần tránh trong tình thể cấp thiết là hiện hữu và thực tế

Sự nguy hiểm tuy mới đe dọa ngay tức khắc đến các lợi ích cần bảo vệ, nhưng đó phải là sự nguy hiểm thực tế và hiện hữu. Nếu không có hành vi gây thiệt hại trong tình thể cấp thiết thì hậu quả tất yếu sẽ xảy ra. Điều kiện thứ hai này cho thấy mối quan hệ nhân quả giữa sự nguy hiểm với lợi ích cần bảo vệ. Sự nguy hiểm tuy mới đang đe dọa ngay tức khắc đến các lợi ích cần bảo vệ, nhưng phải là sự nguy hiểm thực tế, phải có thật, tồn tại khách quan, không phải do người gây thiệt hại tưởng tượng ra. Có thể nói nguồn nguy hiểm đang xảy ra có quan hệ nhân quả với những thiệt hại cho lợi ích hợp pháp có nguy cơ thực tế sẽ xảy ra.

Nếu sự nguy hiểm đó không chứa đựng khả năng thực tế gây ra hậu quả cho xã hội mà chỉ do phán đoán chủ quan của người gây ra thiệt hại thì không được coi là gây thiệt hại trong tình thể cấp thiết.

2.1.3 Việc gây thiệt hại là biện pháp duy nhất để khắc phục sự nguy hiểm

Trong tình thế cấp thiết thì việc gây thiệt hại cho một lợi ích hợp pháp là biện pháp duy nhất để bảo vệ lợi ích hợp pháp khác. Tức là trong tình thế đó, không còn biện pháp nào khác hiệu quả hơn ngoài biện pháp gây ra thiệt hại. Người gây ra thiệt hại không còn biện pháp nào khác để lựa chọn để cứu lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, lợi ích chính đáng của cá nhân người thực hiện hành vi hoặc của người khác. Nếu thực tế vẫn còn các biện pháp khác để khắc phục sự đe dọa gây thiệt hại cho lợi ích hợp pháp, không cần thiết phải gây thiệt hại cho một lợi ích hợp pháp, mà người xử lý tình huống này lại chọn biện pháp gây thiệt hại cho lợi ích này mà không lựa chọn biện pháp đó thì việc xử lý như vậy không được coi là gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết.

2.1.4 Thiệt hại trong tình thế cấp thiết gây ra phải nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa.

Nếu thiệt hại gây ra trong tình thế cấp thiết bằng hoặc lớn hơn thiệt hại cần ngăn ngừa thì người gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm hình sự. So sánh thiệt hại gây ra và thiệt hại cần ngăn chặn khá phức tạp khi thiệt hại đó khác tính chất. Ví dụ thiệt hại lớn về tài sản và thiệt hại nhỏ về sức khỏe con người, loại thiệt hại nào được đánh giá là lớn hơn? Ngoài ra việc đánh giá thiệt hại gây ra và thiệt hại cần ngăn ngừa còn phụ thuộc vào yếu tố chủ quan của người gây thiệt hại.

2.2 Trách nhiệm hình sự đối với trường hợp vượt quá giới hạn của tình thế cấp thiết

2.2.1 Khái niệm, ý nghĩa của việc xác định giới hạn của tình thế cấp thiết

Vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết là tình trạng một người vì muốn tránh một nguy cơ đang thực tế đe dọa lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà không còn cách nào khác là gây thiệt hại bằng hoặc lớn hơn thiệt hại cần ngăn ngừa. Mục đích của quy định này nhằm bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân nhưng phải ngăn chặn, phòng ngừa khả năng tùy tiện, lạm dụng trong tình thế cấp thiết để gây hại cho các lợi ích hợp pháp khác.

Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 có quy định một cách cụ thể, rõ ràng vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết là một trong những tình tiết để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đây cũng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và khả năng của Tòa án khi quyết định hình phạt có thể coi là tình tiết giảm nhẹ. Đó là cơ sở để giảm nhẹ hình phạt trong phạm vi của khung luật tương ứng.

Việc quy định vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng, thể hiện nội dung khoan hồng trong chính sách hình sự của Nhà nước ta. Ngoài ra quy định đó còn đảm bảo thực hiện tốt hơn nguyên tắc cá thể hoá trách nhiệm hình sự và hình phạt, có tác động tích cực đối với việc giáo dục, cải tạo người phạm tội. Phạm tội trong trường

hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết là trường hợp gây thiệt hại gây ra rõ ràng vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết. Mức độ giảm nhẹ vào tính chất và cường độ của nguy cơ phải đối phó và mức độ chênh lệch giữa thiệt hại thực tế do hành vi vượt quá tình thế cấp thiết gây ra và thiệt hại cần ngăn ngừa.

Để xác định vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết, về mặt lý luận thì ở trong tình thế cấp thiết nếu không gây ra thiệt hại nhỏ hơn để ngăn ngừa thiệt hại lớn hơn trước một nguy cơ đang thực tế đe dọa xâm hại thì thiệt hại lớn hơn sẽ xảy ra. Nhưng không phải trong trường hợp nào người thực hiện trong tình thế cấp thiết cũng lựa chọn trong tình thế cấp thiết cũng lựa chọn đúng lợi ích để hy sinh lợi ích nhỏ, bảo vệ lợi ích lớn hơn, mà do nguyên nhân chủ quan, khách quan khác nhau có thể họ lại hy sinh một lợi ích lớn hơn lợi ích cần bảo vệ.

Việc ghi nhận chế định này trong Bộ luật hình sự có ý nghĩa thực tiễn và lý luận quan trọng, bởi vì nó không chỉ thể hiện tính nhân đạo của pháp luật hình sự nước ta mà còn đáp ứng yêu cầu của nguyên tắc cá thể hoá hình phạt đối với người phạm tội trong trường hợp có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phục vụ cho công tác giáo dục và cải tạo người phạm tội có hiệu quả.

Người thực hiện hành động nếu vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết thì phải chịu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết là một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định trong điểm d, khoản 1, Điều 46 Bộ luật hình sự.

Người ta cũng quy định trách nhiệm hình sự khi vượt quá giới hạn của tình thế cấp thiết. Đó là trường hợp có cơ sở, điều kiện để hành động trong tình thế cấp thiết (có nguy hiểm hiện thời đang trực tiếp đe dọa đến các lợi ích chính đáng cần phải bảo vệ) nhưng người hành động trong trường hợp này lại gây thiệt hại (cho một lợi ích hợp pháp khác) rõ ràng là quá đáng, tức là tương đương hoặc lớn hơn thiệt hại được khắc phục. Hành vi này bị coi là hành vi vượt quá giới hạn của tình thế cấp thiết và phải chịu trách nhiệm hình sự.

- Thái độ tâm lý của người thực hiện hành vi vượt quá thường là cố ý nhưng cũng có thể là vô ý vì khi thực hiện hành vi gây thiệt hại nhỏ hơn để ngăn ngừa thiệt hại lớn hơn đang có nguy cơ thực tế xảy ra ngay tức khắc.

- Ngay khi thực hiện việc gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết để ngăn ngừa thiệt hại lớn hơn đang đe dọa thực tế xảy ra ngay tức khắc, chủ thể nhằm mục đích bảo vệ cho được các lợi ích hợp pháp của mình hay của người khác, của Nhà nước hay của xã hội và đương nhiên, trong thực tế thái độ tâm lý của chủ thể thường là cố ý.

- Còn nếu như việc gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết được thực hiện với lỗi vô ý thì nó sẽ thuộc một trong hai dạng hình thức vô ý vì quá tự tin hoặc vô ý vì cẩu thả.

- Nếu thiệt hại gây ra trong tình thế cấp thiết lớn hơn thiệt hại cần ngăn ngừa nên đã vượt quá giới hạn của tình thế cấp thiết, thì trong trường hợp này nếu sự vượt

quá giới hạn là lỗi cố ý thì người đó phải chịu trách nhiệm hình sự, còn nếu là lỗi vô ý thì pháp luật hiện hành chưa có quy định cụ thể.

2.2.2 Các điều kiện xác định trách nhiệm hình sự vượt quá giới hạn của tình thế cấp thiết

Một là, phải có sự đe dọa đối với lợi ích được pháp luật bảo vệ.

Hai là, Sự đe dọa cần tránh trong tình thế cấp thiết là hiện hữu và thực tế.

Ba là, Việc gây thiệt hại là biện pháp duy nhất để khắc phục sự nguy hiểm

Bốn là, thiệt hại trong tình thế cấp thiết gây ra không tương xứng (lớn hơn) với thiệt hại cần ngăn ngừa.

Như vậy, giữa tình thế cấp thiết với vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết chỉ khác nhau ở điều kiện thứ tư. Nếu trong tình thế cấp thiết, thiệt hại gây ra phải nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa thì trong vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết, thiệt hại gây ra lại lớn hơn thiệt hại cần ngăn ngừa. Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành không quy định vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý hay lỗi vô ý, nhưng cần phải khẳng định rõ quan điểm: một người chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết.

2.3 Phân biệt tình thế cấp thiết với một số yếu tố loại trừ tính chất tội phạm của hành vi khác

2.3.2 Phân biệt tình thế cấp thiết với phòng vệ chính đáng

* Hai chế định này giống nhau như sau đây:

Một là, cả hai chế định phòng vệ chính đáng và tình thế cấp thiết đều là những trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi, tức là đều không bị coi là tội phạm, trái lại nó được xã hội khuyến khích và pháp luật bảo vệ.

Hai là, mục đích của phòng vệ chính đáng và tình thế cấp thiết đều là bảo vệ lợi ích chính đáng của Nhà nước, của xã hội, của tập thể hay của công dân.

* Tuy nhiên, để phân biệt giữa phòng vệ chính đáng và tình thế cấp thiết chúng ta căn cứ vào các nội dung sau:

Một là, nguồn nguy hiểm trong phòng vệ chính đáng và tình thế cấp thiết: nguồn nguy hiểm trong phòng vệ chính đáng chỉ có thể do con người gây ra. Còn nguồn nguy hiểm trong tình thế cấp thiết có thể do con người hoặc do tự nhiên gây ra như: bão lụt, sét đánh, trời mưa, cháy nhà, do súc vật tấn công, do máy móc hư hỏng v.v....

Hai là, khác nhau về đối tượng gây thiệt hại. Trong phòng vệ chính đáng hành vi phòng vệ phải gây thiệt hại cho chính bản thân người có hành vi xâm hại để đẩy lùi, ngăn chặn hành vi tấn công. Còn trong tình thế cấp thiết, người ở trong tình thế

cấp thiết phải gây thiệt hại cho một lợi ích hợp pháp khác để ngăn chặn, hạn chế sự nguy hiểm chứ không phải là gây thiệt hại cho chính người có hành vi xâm hại.

Ba là, trong phòng vệ chính đáng người phòng vệ có nhiều biện pháp lựa chọn khác nhau để bảo vệ các lợi ích hợp pháp nhưng trong tình thế cấp thiết chỉ có một biện pháp duy nhất, không còn biện pháp nào khác để bảo vệ lợi ích hợp pháp.

* *Bốn là*, Trong phòng vệ chính đáng người phòng vệ thường phải gây ra thiệt hại cho người xâm hại nhỏ hơn thiệt hại mà người có hành vi tấn công gây ra hoặc sẽ tức khắc gây ra, nhưng không phải là dấu hiệu bắt buộc trong một số trường hợp thiệt hại có thể ngang bằng. Còn trong tình thế cấp thiết thì thiệt hại gây ra trong tình thế cấp thiết buộc phải nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa thì mới được thừa nhận là tình thế cấp thiết.

Việc nghiên cứu làm rõ bản chất cũng như so sánh sự giống và khác nhau của hai chế định tình thế cấp thiết sẽ giúp cho quần chúng nhân dân nhận thức đúng và tích cực phòng chống tội phạm, đồng thời giúp cho cán bộ làm công tác tư pháp không làm oan người vô tội hoặc bỏ lọt tội phạm.

2.3.3 Phân biệt tình thế cấp thiết với sự kiện bất ngờ

Những điểm giống nhau:

Một là, hành vi thực hiện trong tình thế cấp thiết và sự kiện bất ngờ không bị coi là tội phạm, chúng đều được Bộ luật hình sự ghi nhận.

Hai là, nhìn bề ngoài chúng đều là những hành vi nguy hiểm cho xã hội và đều gây ra các thiệt hại về vật chất, sức khỏe con người.

Tuy nhiên, giữa tình thế cấp thiết và sự kiện bất ngờ có các điểm khác nhau cơ bản sau đây:

* *Một là*, Trong sự kiện bất ngờ, người thực hiện hành vi gây thiệt hại cho xã hội không thể thấy trước trước hậu quả nguy hại của hành vi đó. Không thể thấy trước ở đây được hiểu là không có khả năng và ở trong hoàn cảnh không thể đánh giá, nhận thức được hành vi của mình lại có thể gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Việc đánh giá họ có thể thấy trước được hay không căn cứ các điều kiện chủ quan, khách quan khi xảy ra sự việc như: tuổi tác, bệnh tật, kinh nghiệm, trình độ chuyên môn liên quan, kiến thức xã hội, hiểu biết pháp luật, hoàn cảnh xảy ra, không gian, thời gian v.v... Còn trong tình thế cấp thiết, người thực hiện hành vi gây thiệt hại cho xã hội đã thấy trước hậu quả nguy hại của hành vi đó nhưng họ vẫn thực hiện nhằm cứu giúp một lợi ích hợp pháp khác.

* *Hai là*, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội không buộc phải thấy trước hậu quả do hành vi của mình gây nên. Xác định trách nhiệm buộc phải thấy trước hậu quả do hành vi của mình cần dựa vào những quy tắc cuộc sống mà bất kỳ người nào cũng thừa nhận và thực hiện. Như vậy, một người thực hiện hành vi không buộc phải thấy trước hậu quả do hành vi của mình gây ra là trường hợp người đó

không vi phạm vào các quy tắc của cuộc sống, quy tắc hành chính, quy tắc nghề nghiệp ... đã đặt ra đối với họ. Trong tình thế cấp thiết, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội buộc phải thấy trước hậu quả do hành vi của mình gây nên. Từ đó họ “cân, đong, đo, đếm” xem hậu quả mà mình gây ra phải nhỏ hơn hậu quả nếu họ không thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đó sẽ diễn ra.

Kết luận chương 2:

Chương 2 của Luận văn đã trình bày các điều kiện áp dụng của quy định tình thế cấp thiết trong luật hình sự Việt Nam. Trước hết, luận văn đã trình bày và phân tích bốn điều kiện áp dụng của tình thế cấp thiết. Sau đó luận văn đã phân tích trách nhiệm hình sự trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết. Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết là trường hợp gây thiệt hại gây ra rõ ràng vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết. Quy định này nhằm tránh lạm dụng tình thế cấp thiết để gây ra các thiệt hại.

Cuối cùng, chương 2 luận văn đã so sánh chế định tình thế cấp thiết với 2 chế định loại trừ tính chất tội phạm của hành vi khác là phòng vệ chính đáng và sự kiện bất ngờ ở những vấn đề như: căn cứ, điều kiện loại trừ và đặc điểm pháp lý. Từ đó có thể kết luận, tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng và sự kiện bất ngờ đều là ba tình tiết loại trừ yếu tố tội phạm của hành vi. Chúng đều không bị coi là tội phạm mặc dù chúng đều là những hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng được thực hiện trong những hoàn cảnh đặc biệt.

Những vấn đề đưa ra ở chương 2 luận văn chính là cơ sở và tiền đề để đưa ra các đề xuất, kiến nghị ở chương 3.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VỀ TÌNH THẾ CẤP THIẾT

3.1 Vấn đề tình thế cấp thiết trong thực tế

Vượt quá giới hạn của tình thế cấp thiết là một trong những tình tiết giảm nhẹ thường gặp trong các tội : tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 85), tội giết người (Điều 93), tội cố ý gây thương tích (Điều 104), tội huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 143), tội sử dụng trái phép tài sản (Điều 142), tội huỷ hoại nguồn lợi thủy sản (Điều 188), tội huỷ hoại rừng (Điều 189), tội vi phạm quy định về điều khiển giao thông đường bộ (Điều 202), tội cản trở giao thông đường bộ (Điều 203), tội vi phạm quy định về điều khiển giao thông đường sắt (Điều 208), tội cản trở giao thông đường sắt (Điều 209), tội vi phạm quy định về điều khiển giao thông đường thủy (Điều 212), tội cản trở giao thông đường thủy (Điều 213), tội vi phạm quy định điều khiển tàu bay (Điều 216), tội cản trở giao thông đường không (Điều 217), v.v...

Qua nghiên cứu xác suất ngẫu nhiên một số bản án của các chương tội từ 2005 đến năm 2009 trên phạm vi toàn quốc (nguồn Tòa án nhân dân tối cao). Từ đó cho

thấy việc áp dụng tình tiết vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết rất ít được áp dụng trong thực tế xét xử. Thực tiễn cuộc sống có khá nhiều tình huống áp dụng được tình tiết vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết nhưng lại khó áp dụng do các nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó có nguyên nhân từ phía các quy định của pháp luật hiện thời.

3.2 Sự cần thiết hoàn thiện các quy định về tình thế cấp thiết trong luật hình sự Việt Nam

Về văn bản pháp luật, ngoài bộ luật hình sự, hiện nay chưa có một văn bản nào khác hướng dẫn về việc áp dụng quy về tình thế cấp thiết.

Một là, Điều 16 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định về tình thế cấp thiết nằm trong Chương “tội phạm” là chưa logic, bởi vì: tình thế cấp thiết là một trong những trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi nên không thể quy định trong Chương các tội phạm. Việc quy định như vậy chưa cho thấy tính độc lập của các chế định về loại trừ tính chất tội phạm của hành vi và chưa phản ánh đúng tính chất của chế định này.

Hai là, về vấn đề hậu quả gây ra trong tình thế cấp thiết: Điều luật không quy định những căn cứ để so sánh giữa thiệt hại gây ra và thiệt hại cần khắc phục, nên việc đánh giá hiện nay chưa có sự thống nhất mà dựa vào các tình tiết của vụ việc.

Đây là vấn đề phức tạp khi đánh giá tương quan giữa hai loại thiệt hại khác nhau về tính chất (ví dụ gây thiệt hại về tài sản để bảo vệ tính mạng, sức khỏe con người). Trong trường hợp này việc đánh giá thiệt hại nào nhỏ hơn phải được quyết định trên cơ sở xem xét nhiều mặt cụ thể của trường hợp đó. Việc đánh giá này phải dựa vào tính chất và ý nghĩa của từng lợi ích.

Vì vậy, việc so sánh thiệt hại gây ra do tình thế cấp thiết vẫn là một vướng mắc trong việc áp dụng các quy định của tình thế cấp thiết. Từ đó dẫn đến *khó xác định thế nào là vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết*.

- Thực tế ở nước ta cũng như khảo sát của những nhà nghiên cứu trên thế giới cho thấy, tâm lý phổ biến của người dân là bàng quan, thờ ơ trước những hành vi phạm tội, ngại phiền toái, liên lụy mà không khéo lại có thể bị đánh giá là “không tương xứng” (phạm tội) khi gây ra một thiệt hại. Việc đánh giá tương xứng trong thực tế tương xứng trong thực tế là rất khó khăn, nhất là trong những trường hợp xảy ra bất ngờ, không có điều kiện để lựa chọn cách xử sự hợp lý.

Ba là, vấn đề truy cứu trách nhiệm hình sự đặt ra trong trường hợp *cố ý* vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết. Việc xác định người gây thiệt hại cố ý hay vô ý chủ yếu căn cứ vào lời khai của người đó cùng với hoàn cảnh khách quan lúc đó. Vì vậy những người làm công tác tố tụng phải thật khách quan và toàn diện trong việc đánh giá chứng cứ những trường hợp gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết để tránh oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

Việc đánh giá các điều kiện của tình thế cấp thiết là tương đối khó: phải xác định có hay không sự đe dọa đến các lợi ích cần bảo vệ? căn cứ xác định là lời khai những người làm chứng, người gây thiệt hại, họ chứng kiến trong hoàn cảnh nào? điều kiện khách quan ra sao? Ý thức chủ quan của họ nhìn nhận thiệt hại sắp xảy ra như thế nào? Đe dọa đó có hiện hữu hay không? thiệt hại mà họ sắp gây ra họ có nghĩ là nhỏ hơn thiệt hại đang bị đe dọa không? Căn cứ vào đâu? liệu có hay không việc lợi dụng hoàn cảnh để gây thiệt hại? tất cả những điểm trên phải được nhà công tác tố tụng đánh giá và chứng minh một cách khách quan và toàn diện.

Bốn là, pháp luật hình sự hiện hành hiện chưa đặt ra trách nhiệm hình sự của người đang thi hành công vụ hoặc nghề nghiệp đặc biệt trong tình thế cấp thiết. Vấn đề đặt ra là liệu người đang thi hành công vụ không hành động tổng tình thế cấp thiết mà họ có khả năng hành động thì họ có phải chịu trách nhiệm gì không?

3.3 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định về tình thế cấp thiết trong luật hình sự Việt Nam

3.3.1 Cần xác định chính xác và đầy đủ hơn vị trí của chế định tình thế cấp thiết trong Bộ luật hình sự

Từ sự phân tích bản chất pháp lý của chế định tình thế cấp thiết với tính chất là một trong các trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi cho thấy, chế định này cần được nhà làm luật nước ta điều chỉnh tại cùng một chương độc lập với những trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi khác, chứ không thể nằm trong Chương III “tội phạm” như quy định hiện nay của Bộ luật hình sự năm 1999. Về chế định này, các nhà lập pháp cần phải xem xét kiến giải của GS. TSKH Lê Cẩm .

* Một điểm nữa cần lưu ý, pháp luật hình sự thực định không quy định là gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết là lỗi cố ý hay vô ý thì phải chịu trách nhiệm hình sự, nhưng để đảm bảo tính chính xác về mặt khoa học và phù hợp với thực tiễn, cần phải quy định chỉ người nào “cố ý” vượt quá giới hạn của tình thế cấp thiết mới phải chịu trách nhiệm hình sự. Như vậy mới khuyến khích mọi công dân tham gia vào công cuộc đấu tranh chống tội phạm. Nó còn thể hiện nguyên tắc nhân đạo của luật hình sự nước ta, góp phần nâng cao ý thức pháp luật của công dân .

Sau khi nghiên cứu các chuyên khảo, một số tác phẩm viết về chế định này, đồng thời nghiên cứu các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999, ta có thể đưa ra định nghĩa về chế định này như sau: *Tình thế cấp thiết là hành vi gây thiệt hại của một hay nhiều người để ngăn chặn sự nguy hiểm đang đe dọa ngay tức khắc đến các lợi ích hợp pháp của nhà nước, của xã hội và của công dân nếu sự nguy hiểm đó không thể ngăn chặn được bằng cách nào khác ngoài việc gây ra nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa. Chỉ những hành vi nào do cố ý gây thiệt hại rõ ràng là lớn hơn thiệt hại cần ngăn ngừa mới phải chịu trách nhiệm hình sự.*

Quy định của khoản 1 điều luật này không được áp dụng đối với những người thực hiện những trách nhiệm công vụ đặc biệt.

3.3.2 Xác lập cơ sở pháp lý để so sánh thiệt hại gây ra do tình thế cấp thiết và thiệt hại cần ngăn ngừa

Vấn đề so sánh thiệt hại do nguồn nguy hiểm gây ra với thiệt hại do hành vi phát sinh từ tình thế cấp thiết được giải quyết theo hướng so sánh các giá trị. Tiêu chí về các thứ tự của các giá trị thường được ghi nhận trong Hiến pháp và các đạo luật. Chẳng hạn, theo thứ tự các quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ. Trong tất cả các chuẩn giá trị đó, pháp luật cũng như thực tiễn xét xử của hầu hết các nước đều đặt lên trên hết giá trị của tính mạng con người.

Về điểm này, pháp luật hình sự một số nước, chẳng hạn của Vương quốc Anh, nếu vì lợi ích cá nhân mà gây thiệt hại cho người khác hoặc xã hội thì không được coi là gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết và phải chịu trách nhiệm hình sự. Người ta thường ví dụ về vụ các thủy thủ tàu Viễn đông của Anh Quốc ăn thịt đồng nghiệp để khỏi bị chết đói để minh chứng cho điều đó. Năm 1884, trong một vụ đắm tàu, sau 9 ngày nhin đói và bám trên một mảnh boong tàu, các thủy thủ đã không còn gì để tiếp tục sống và hy vọng được phát hiện và được cứu. Họ đã quyết định ăn thịt thủy thủ trẻ nhất và cũng là người yếu nhất trong đội thủy thủ và được coi là se chết trước hết. Bằng cách đó, họ đã sống sót và sau đó đã được phát hiện và cứu thoát. Tòa án London đã không chấp nhận việc ăn thịt đồng loại của các thủy thủ này là hành vi do tình thế cấp thiết và đã tuyên phạt tử hình về tội giết người.

Tuy nhiên, pháp luật hình sự của đa số các nước đều phải giải quyết một tình huống khi đối tượng bị xâm hại và thiệt hại có thể xảy ra có cùng một bậc giá trị, tức là về định tính là như nhau, chẳng hạn, đều là tính mạng con người. Trong trường hợp đó, tiêu chí định lượng được đưa lên “bàn cân”.

Chẳng hạn, có ba nhà thám hiểm leo núi đang cùng trong một chuỗi dây an toàn, tình cờ móc sắt cắm vào đá của một trong số họ bị trượt và người đó rơi kéo căng hai móc sắt còn lại khiến chúng cũng có thể bị trượt khỏi các phiến đá trong chốc lát. Một đồng nghiệp của họ đã quyết định cắt đứt dây làm cho người bị tuột dây kia rơi và chết ngay tức khắc. Tòa án đã coi việc làm của người leo núi kia là trong tình huống tình thế cấp thiết vì để cứu hai người thoát chết bằng cách hy sinh một người, hay nói cách khác, tình huống: một là chết một lúc ba người, hai là chết một người.

Phải đặt giả định, trên một chiếc thuyền nhỏ có 7 người, khi ra đến biển bỗng có sóng lớn đến thuyền bập bênh có vẻ như sắp chìm, tình hình cho thấy thuyền bị quá tải, buộc phải bớt đi 2 người thì mới không lật, trên thuyền lại không có phao cứu sinh, chủ thuyền là người có kinh nghiệm đã quyết định hy sinh 2 người lớn tuổi nhất để cứu cả thuyền. Vậy, liệu vấn đề trách nhiệm hình sự có đặt ra với chủ thuyền không? các nhà luật học Việt Nam phải xem xét.

Về thiệt hại quy định trong tình thế cấp thiết bao gồm thiệt hại gây ra và thiệt hại cần ngăn ngừa: như đã trình bày ở phần trên, để xác định thiệt hại gây ra và thiệt hại cần ngăn ngừa trong tình thế cấp thiết nhiều khi không dễ dàng. Tuy nhiên để đảm bảo tính chính xác và chủ động trong việc xác định có vượt quá yêu cầu của tình

thể cấp thiết hay không thì càng chính xác hoá được các thiệt hại này càng tốt bấy nhiêu. Vì vậy cần có một hướng dẫn chi tiết và rõ ràng hơn trong việc đánh giá thiệt hại gây ra trong tình thế cấp thiết và thiệt hại cần ngăn ngừa.

Thực tế cho thấy, thiệt hại có thể phân loại là thiệt hại tài sản, thiệt hại về con người (bao gồm tính mạng, sức khoẻ con người) và thiệt hại tinh thần, giá trị văn hoá, lịch sử, thiệt hại về quyền tự do dân chủ của công dân. Vì vậy, các nhà làm luật phải có một hướng dẫn cụ thể và định lượng được “tương đối” thiệt hại trong tình thế cấp thiết hiện quy định tại Bộ luật hình sự. Từ đó khiến cho việc áp dụng pháp luật được thống nhất, không tùy tiện và có căn cứ để xác định trường hợp nào là vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết.

3.3.3 Nâng cao năng lực người làm công tác tổ tụng song song với việc nâng cao trình độ dân trí và trách nhiệm công dân.

Nâng cao năng lực người làm công tác tổ tụng và nâng cao dân trí là đường lối, chính sách chung của Đảng và Nhà nước. Việc áp dụng các điều kiện của tình thế cấp thiết là tương đối khó, đòi hỏi những người làm công tác pháp luật như: điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán phải có năng lực nhất định.

Như đã trình bày ở trên, việc đánh giá các điều kiện của tình thế cấp thiết là tương đối khó: phải xác định có hay không sự đe dọa đến các lợi ích cần bảo vệ? căn cứ xác định là lời khai những người làm chứng, người gây thiệt hại, họ chứng kiến trong hoàn cảnh nào? điều kiện khách quan ra sao? Ý thức chủ quan của họ nhìn nhận thiệt hại sắp xảy ra như thế nào? Đe dọa đó có hiện hữu hay không? thiệt hại mà họ sắp gây ra họ có nghĩ là nhỏ hơn thiệt hại đang bị đe dọa không? Căn cứ vào đâu? liệu có hay không việc lợi dụng hoàn cảnh để gây thiệt hại?

Đồng thời phải nâng cao dân trí và trách nhiệm công dân. Tuy pháp luật không bắt buộc mọi người phải hành động trong tình thế cấp thiết nhưng nếu mỗi công dân có trách nhiệm và biết vì lợi ích chung thì họ sẽ hành động trong tình thế cấp thiết.

Kết luận chương 3:

Tóm lại, xuất phát từ những nghiên cứu trên đây, chúng ta rút ra được một số kết luận như sau: kể từ khi Bộ luật hình sự đầu tiên được thông qua và có hiệu lực cho đến nay, quy định về tình thế cấp thiết bên cạnh những điểm tích cực cũng đã bộc lộ một số điểm chưa hợp lý, đòi hỏi các nhà luật học tiếp tục nghiên cứu sâu sắc hơn nữa để đưa ra các giải pháp hoàn thiện quy định này góp phần xây dựng và hoàn thiện Bộ luật hình sự của nước ta trong thời kỳ đổi mới.

Quy định về tình thế cấp thiết với tư cách là một trong những tình tiết loại trừ tính chất tội phạm của hành vi do bản chất pháp lý khác với khái niệm tội phạm, cũng như do ý nghĩa quan trọng của nó đối với việc bảo vệ các lợi ích hợp pháp của công dân, cũng như của xã hội hay của Nhà nước nên cần phải được các nhà luật học tiếp tục nghiên cứu sâu sắc hơn nữa để đưa ra những giải pháp.

KẾT LUẬN

Chọn nghiên cứu đề tài “*Tình thế cấp thiết trong Luật hình sự Việt Nam*” với tư cách là một đề tài Luận văn thạc sĩ, tác giả nhận thức đây là một đề tài cần thiết cả về phương diện lý luận và thực tiễn, song là một đề tài khó; từ trước tới nay, thực tiễn ít áp dụng và chưa có đề tài nào nghiên cứu một cách toàn diện, sâu sắc về vấn đề này. Quá trình nghiên cứu, tác giả đã tuân thủ đúng quy trình và phương pháp nghiên cứu khoa học; bám sát mục đích, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu; tích cực sưu tầm tài liệu; tranh thủ ý kiến của những người đi trước, nhờ đó luận văn đã giải quyết được mục đích, nhiệm vụ đặt ra. Cụ thể là:

1. Luận văn xây dựng khái niệm về chế định tình thế cấp thiết, bản chất của chế định tình thế cấp thiết, vị trí, vai trò, ý nghĩa và các đặc điểm của chế định này. Luận văn kết luận như sau: *Tình thế cấp thiết là hành vi gây thiệt hại của một hay nhiều người để ngăn chặn sự nguy hiểm đang đe dọa ngay tức khắc đến các lợi ích của nhà nước, của xã hội và của công dân nếu sự nguy hiểm đó không thể ngăn chặn được bằng cách nào khác ngoài việc gây ra nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa. Chỉ những hành vi nào do cố ý gây thiệt hại rõ ràng là lớn hơn thiệt hại cần ngăn ngừa trong tình thế cấp thiết mới phải chịu trách nhiệm hình sự.*

2. Luận văn một lần nữa khẳng định nguyên tắc nhân đạo của pháp luật hình sự hiện đại của nước ta - một pháp luật tiến bộ. Luận văn khẳng định việc gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết không bị coi là tội phạm và không phải chịu trách nhiệm hình sự. Điều đó nêu cao tính đúng đắn, tiến bộ, dân chủ trong việc xây dựng pháp luật của Việt Nam ta - một nền pháp luật vì nhân dân.

3. Luận văn thể hiện tinh thần, chính sách nhân đạo của Nhà nước ta, đảm bảo nguyên tắc xử lý đúng người, đúng tội, không bỏ lọt tội phạm và không làm oan người vô tội. Nó góp phần giúp các cơ quan tố tụng xác định được ranh giới để phân biệt tội phạm và những hành vi không phải là tội phạm.

4. Quy định về tình thế cấp thiết qua nhiều năm áp dụng, bên cạnh những mặt tích cực cũng đã bộc lộ những điểm hạn chế, đòi hỏi các nhà nghiên cứu pháp luật tiếp tục nghiên cứu sâu sắc hơn nữa để đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện Bộ luật hình sự của nước ta trong thời kỳ mới.

Để giải quyết những nội dung khoa học đã được đặt ra, ngoài sự nỗ lực cố gắng của tác giả, còn có sự giúp đỡ nhiệt tình và có hiệu quả của thầy giáo hướng dẫn luận văn – Giáo sư. Tiến sỹ khoa học Đào Trí Úc, cùng một số thầy, cô giáo đang giảng dạy ở Khoa luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, trường đại học Luật Hà Nội, các nhà khoa học và cán bộ thực tiễn tại Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng ... Tác giả xin gửi tới các thầy giáo, cô giáo và các đồng nghiệp lời cảm ơn sâu sắc. Với những thành công ban đầu, tác giả rất mong nhận được sự đồng góp của các thầy giáo, cô giáo và các bạn đọc quan tâm để hoàn thiện hơn nữa đề tài khoa học này.